

Phòng thi: 62-HT1(105) GD B2; Ngày 08/9/2017

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Mã đề
1	900001	16051926	Nguyễn Thị Dinh	24/01/1998	16-E KT	ĐHKT			
2	900002	17050122	Nguyễn Hữu Đông	24/03/1999	17-E KTPT	ĐHKT			
3	900003	17050190	Quách Thị Lan Anh	18/11/1999	17-E KTQT	ĐHKT			
4	900004	17050283	Nguyễn Hoài Thu	01/09/1999	17-E KTQT	ĐHKT			
5	900005	17050761	Phạm Huy Thành	03/03/1999	17-E TCNH-CLC	ĐHKT			
6	900006	17050800	Trần Thị Hồng	20/11/1998	17-E TCNH	ĐHKT			
7	900007	17060255	Nguyễn Thanh Tú	10/10/1997	B	K.Luật			
8	900008	17060274	Nguyễn Việt Bắc	10/04/1999	C	K.Luật			
9	900009	17060282	Hoàng Văn Đoàn	16/12/1999	C	K.Luật			
10	900010	17060301	Phạm Văn Hưng	31/01/1999	C	K.Luật			
11	900011	17060368	Lê Huyền Thu	29/11/1999	C	K.Luật			
12	900012	17060372	Nguyễn Thị Thúy	30/05/1999	C	K.Luật			
13	900013	17061035	Bùi Phương Dung	09/11/1999	LKD-B	K.Luật			
14	900014	17061048	Nguyễn Thị Việt Hà	05/06/1999	LKD-B	K.Luật			
15	900015	17061072	Trịnh Thị Liên	16/08/1999	LKD-B	K.Luật			
16	900016	17061165	Bùi Việt Tùng	12/03/1998	LKD-B	K.Luật			
17	900017	15041455	Chu Thị Oanh	03/06/1996	15C2	ĐHNN			
18	900018	16041276	Trần Thị Sơn Trà	08/12/1998	16C6	ĐHNN			
19	900019	16041558	Trần Thị Lan	03/07/1998	17J3	ĐHNN			
20	900020	16041637	Vũ Quỳnh Chi	06/08/1997	16J6	ĐHNN			
21	900021	17040282	Nông Thị Hồng Vân	14/02/1999	17C6	ĐHNN			
22	900022	17040795	Tạ Hữu Trung Quý	12/04/1999	17F3	ĐHNN			
23	900023	17041115	Hoàng Thị Mai Phương	19/04/1999	17J5	ĐHNN			
24	900024	17041138	Nguyễn Thị Lan	08/11/1999	17J5	ĐHNN			
25	900025	17041169	Nguyễn Thị Diệu Linh	30/11/1999	17J6	ĐHNN			
26	900026	17041184	Nguyễn Hồng Nhung	19/09/1999	17J5	ĐHNN			
27	900027	17041301	Lê Thị Thu Hương	03/06/1999	17K4	ĐHNN			
28	900028	17050574	Vũ Hải Đăng	28/09/1999	17	ĐHKT			
29	900029	17050089	Bùi Thị Thanh Thúy	11/06/1999	17-E KINHTE	ĐHKT			
30	900030	17050503	Đỗ Huyền Mi	06/12/1999	17-E KETOAN	ĐHKT			
31	900032	17020076	Trần Mạnh Cường	14/10/1999	K62IE6	ĐHCN			
32	900035	17020095	Mai Duy Dương	13/09/1999	K62IE2	ĐHCN			
33	900036	17020099	Hoàng Tuấn Sơn	20/10/1999	K62IE6	ĐHCN			
34	900040	17020163	Dương Tiến Trung	28/01/1997	K62IE5	ĐHCN			
35	900041	17020171	Nguyễn Trọng Hòa	27/08/1998	K62PE1	ĐHCN			
36	900042	17020201	Lê Công An	20/03/1998	K62ME1	ĐHCN			
37	900043	17020210	Nguyễn Ngọc Hải	21/06/1999	K62ME2	ĐHCN			

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1: .....

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

TT	SBD	MSV	Họ và Tên	Ngày sinh	Lớp	Trường	Ký nộp bài	Điểm	Mã đề
1	900045	17020247	Mai Thanh Chương	27/03/1999	K62ME3	ĐHCN			
2	900047	17020285	Đàm Đình Hiệp	17/12/1999	K62ME1	ĐHCN			
3	900050	17020340	Phạm Văn Khánh	01/02/1999	K62ME3	ĐHCN			
4	900057	17020434	Nguyễn Văn Tiến	07/07/1999	K62ME3	ĐHCN			
5	900058	17020466	Phan Văn Tùng	28/04/1997	K62ME4	ĐHCN			
6	900059	17020555	Lương Quốc Đạt	23/10/1993	K62ME1	ĐHCN			
7	900060	17020626	Nguyễn Cao Cường	26/06/1997	K62IE2	ĐHCN			
8	900062	17020763	Đào Khả Hoàng	10/11/1999	K62IE4	ĐHCN			
9	900065	17020880	Nguyễn Văn Mạnh	12/12/1998	K62IE6	ĐHCN			
10	900066	17020927	Phan Đức Nghĩa	28/12/1999	K62IE4	ĐHCN			
11	900067	17020998	Đỗ Văn Sĩ	07/09/1999	K62IE3	ĐHCN			
12	900068	17021026	Trịnh Như Thăng	03/08/1997	K62IE4	ĐHCN			
13	900069	17021076	Nguyễn Thị Kiều Trang	25/02/1998	K62IE4	ĐHCN			
14	900070	17021122	Trịnh Đức Văn	16/10/1999	K62IE7	ĐHCN			
15	900071	17021173	Lê Quang Hưng	07/07/1998	K62IE5	ĐHCN			
16	900072	17021366	Trịnh Văn Dương	12/11/1996	K62PE2	ĐHCN			
17	900074	17021401	Nguyễn Anh Duy	29/04/1999	K62PE1	ĐHCN			
18	900076	17021411	Phạm Duy Hoàng	18/11/1999	K62PE1	ĐHCN			
19	900078	17021448	Nguyễn Bá Tuấn	19/10/1999	K62PE1	ĐHCN			
20	900079	17021450	Nguyễn Thị Vân	17/07/1999	K62PE1	ĐHCN			

Danh sách gồm: ..... sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị 1: .....

Giám thị 2: .....

Giáo viên chấm 1:.....

Giáo viên chấm 2:.....

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**